TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày 19/4/2022
"V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Bình.
Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Như Thủy.
2. Ông Trần Xuân Tỉnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hồng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021 về việc " *Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số: 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022, giữa:

1/ Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Hồng N, sinh năm 1983; Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

2/ Bị đơn: Anh Huỳnh Ngọc P, sinh năm 1981; Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2021 chị Đỗ Thị Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị N và anh P là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Trong thời gian chung sống giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung, hay tranh cãi nhau. Hiện tại chị N cho rằng không còn tình cảm vợ chồng với anh P, không còn yêu thương, quan tâm, lo lắng cho nhau, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị N và anh P có 02 người con: Huỳnh Thị Ngọc Y, sinh ngày 10/11/2004 và Huỳnh Ngọc Yê, sinh ngày 19/4/2007. Sau khi ly hôn chị N có nguyện vọng được nuôi 02 con và không yêu cầu anh Ph phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai 30/11/2021 cháu Huỳnh Thị Ngọc Y và Huỳnh Ngọc Yê trình bày: Nếu ba, mẹ ly hôn các cháu ở với mẹ.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: 01 giấy chứng nhận kết hôn; 01 căn cước công dân của chị N; 01 giấy CMND của anh P; 01 sổ hộ khẩu; 02 giấy khai sinh của con; 01 bản tự khai của chị N và 02 bản tự khai của cháu Y và cháu Yê.

Các tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: Không.

Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập, xác minh: Biên bản xác minh ngày 07/3/2022.

Trong quá trình giải quyết vụ án do anh P không tham gia tố tụng nên không có lời khai trông hồ sơ vụ án và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết vụ án.

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị Hồng N đối với anh Huỳnh Ngọc P.

Về con chung: Giao con là Huỳnh Thị Ngọc Y, sinh ngày 10/11/2004 và Huỳnh Ngọc Yê, sinh ngày 19/4/2007, cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cùng với các tài liệu chứng cứ được chủ tọa công bố tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đỗ Thị Hồng N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Huỳnh Ngọc P. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập anh P tham gia tố tụng nhiều lần, nhưng anh P không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do đó Tòa án áp dụng quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị N và anh P là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Xét thấy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, nhưng trong cuộc sống thường xảy ra mâu thuẫn. Tại phiên tòa chị N cho rằng không còn tình cảm vợ chồng với anh P, không thể kéo dài mối quan hệ vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh P.

[3] Về con chung: Chị N và anh P có 02 người con: Huỳnh Thị Ngọc Y, sinh ngày 10/11/2004 và Huỳnh Ngọc Yê, sinh ngày 19/4/2007. Sau khi ly hôn chị N có nguyện vọng được nuôi 02 con và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con. Tại Phiên tòa Chị N trình bày thu nhập bình quân 9.000.000đồng/tháng và cam đoan với mức thu nhập trên đủ điều kiện nuôi con, đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và phù hợp với nguyện vọng của cháu Y và cháu Yê muốn được sống với mẹ. Do đó, giao con là cháu Y và cháu Yê cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh P không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Khai không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Về Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Hồng N. Chị Đỗ Thị Hồng N ly hôn với anh Huỳnh Ngọc P.

[2] Về con chung: Giao con là Huỳnh Thị Ngọc Y, sinh ngày 10/11/2004 và Huỳnh Ngọc Yê, sinh ngày 19/4/2007 cho chị Đỗ Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh Huỳnh Ngọc P không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con, có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con, có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ của họ. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không

được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Khai không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Đỗ Thị Hồng N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) mà chị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004010 ngày 20/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

[5] Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6] Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 19/4/2022. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Ngọc Bình